

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 24-6-2019

"V/v tranh chấp: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm: 1982

Nơi cư trú Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Đàm Văn G, sinh năm: 1981

HKTT: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đàm Văn G tự nguyện chung sống, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 107, ký ngày 14 tháng 12 năm

2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều ý kiến bất đồng, không thể hòa hợp được. Bên cạnh đó, anh hay rượu chè, chửi bới, đánh đập, xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm và sức khỏe của chị. Đến năm 2014 anh Đàm Văn G quản lý toàn bộ tiền bạc trong gia đình. Anh Đàm Văn G rất gia trưởng, độc đoán không bao giờ nghe vợ con góp ý, trong sinh sống không có sự chia sẻ với vợ con, thường xuyên ghen tuông vô cớ. Chị không chịu được cách sống của anh Đàm Văn G nên trong năm 2015 chị đã về nhà mẹ ruột ở. Sau đó anh Đàm Văn G có đến nhà mẹ chị xin lỗi và đón về nhưng anh Đàm Văn G vẫn không chịu thay đổi cách cư xử nên chị đã bỏ đi làm công ty ở huyện Bắc Đồng Ph từ tháng 4 năm 2016 và sống ly thân liên tục cho đến nay. Hiện nay, tình cảm của chị đối với anh Đàm Văn G không còn, thời gian sống ly thân dài chị không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đàm Văn G.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đàm Văn G có 02 con chung tên là Đàm Thanh S sinh ngày 26 tháng 3 năm 2005 và Đàm Thị Thu H sinh ngày 16 tháng 11 năm 2007. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng để anh Đàm Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đàm Văn G vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Đàm Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị Nông Thị L về việc đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống chị Nông Thị L thường xuyên vắng nhà, không chăm sóc chồng con, không quán xuyến công việc gia đình. Trong thời gian chung sống chị Nông Thị L không chung thủy với anh. Hàng xóm bắt gặp chị Nông Thị L ngồi chờ đón khách ngoài ngõ tư Bom Bo. Ngoài ra, chị Nông Thị L không tôn trọng bố mẹ anh, không tôn trọng anh chị em trong gia đình anh. Cách đây 03 năm chị Nông Thị L đã bỏ nhà đi, trước khi giữa vợ chồng không to tiếng, cãi vã nhau. Từ lúc chị Nông Thị L bỏ nhà đi không về lại chăm sóc con cái, một mình anh chăm sóc con từ đó đến nay. Hiện nay chị Nông Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn anh không đồng ý vì trước khi bỏ nhà đi chị Nông Thị L đã lấy tiền của gia đình anh mang đi tiêu xài.

Về nuôi con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nông Thị L về con chung. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị L

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Đàm Thanh S sinh ngày 26 tháng 3 năm 2005 và cháu Đàm Thị Thu H sinh ngày 16 tháng 11 năm 2007 cho anh Đàm Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nông Thị L nộp 300.000đ án phí HNGĐ – ST.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy xác nhận mâu thuẫn vợ chồng lập ngày 19/4/2019 (bản gốc); 01 USB (có chứa đựng 02 bản ghi âm có nội dung nói chuyện giữa chị Nông Thị L và anh Đàm Văn G); 02 tờ giấy ghi nội dung ghi âm; Giấy khai sinh mang tên Đàm Thanh S và Đàm Thị Thu H (bản photo); Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân mang tên Nông Thị L (bản photo);

- Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản lấy lời khai bị đơn; Biên bản lấy lời khai của con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đàm Văn G (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đàm Văn G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Đàm Văn G đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 14 tháng 12 năm 2003. Lời khai của chị Nông Thị L và anh Đàm Văn G phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị L và anh Đàm Văn G là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Theo lời khai của chị Nông Thị L thì trong thời gian chung sống anh Đàm Văn G thường xuyên rượu chè say xỉn, thường xuyên nghi ngờ, ghen tuông vô cớ và có lời lẽ thô tục mắng chửi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị. Chị nhiều lần cố gắng hòa hợp nhưng không có kết quả nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đàm Văn G. Anh Đàm Văn G không đồng ý ly hôn. Xét, vào ngày 31/10/2018 chị Nông Thị L có nộp đơn tại Tòa án huyện B yêu cầu giải quyết ly hôn, quá trình làm việc, hòa giải Tòa án đã cho các bên một khoảng thời gian để khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên anh Đàm Văn G không có thái độ thiện chí mong muốn hòa giải hàn gắn, cải thiện quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nông Thị L. Điều này được thể hiện qua cuộc nói chuyện (bằng điện thoại) giữa anh Đàm Văn G và chị Nông Thị L vào ngày 15 tháng 4 năm 2019 (bút lục số 23A – bút lục số 28). Tại cuộc nói chuyện giữa anh Đàm Văn G và chị Nông Thị L thể hiện việc thiếu sự tin tưởng của anh Đàm Văn G đối với chị Nông Thị L không đảm bảo nền tảng cho cuộc sống gia đình hạnh phúc, bình đẳng; Anh Đàm Văn G có nhiều lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị Nông Thị L đã vi phạm vào quyền và nghĩa vụ về nhân thân của vợ chồng được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định anh Đàm Văn G vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019 (bút lục số 19) anh Đàm Văn G không đồng ý ly hôn vì chị Nông Thị L đã lấy tiền của gia đình đi tiêu xài tuy nhiên anh không có chứng cứ gì chứng minh. Như vậy, việc anh Đàm Văn G không đồng ý ly hôn không phải xuất phát từ việc mong muốn xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc mà vì lợi ích cá nhân khác. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị L đối với anh Đàm Văn G; Hội đồng xét xử không chấp nhận nguyện vọng đoàn tụ của anh Đàm Văn G.

[4] Về nuôi con chung: Chị Nông Thị L và anh Đàm Văn G đều khai nhận anh chị có 02 con chung tên là Đàm Thanh S sinh ngày: 26/3/2005 và Đàm Thị Thu H sinh ngày 16/11/2007. Chị Nông Thị L có nguyện vọng giao con chung cho anh Giang chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đàm Văn G có nguyện

vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét hai cháu đang tuổi dậy thì cần có chỗ ở, môi trường ổn định để cho sự phát triển bình thường về tâm sinh lý. Chị Nông Thị L xác nhận anh Đàm Văn G có nơi ở ổn định và có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Thời gian vừa qua hai cháu đang được anh Đàm Văn G trực tiếp nuôi dưỡng và hai cháu được anh Đàm Văn G cho ăn học phát triển đầy đủ. Chị Nông Thị L thừa nhận hiện nay chị không có nơi ở, công việc ổn định và chị không có điều kiện để nuôi dạy hai cháu phát triển đầy đủ. Bản thân cháu Đàm Thanh S và cháu Đàm Thị Thu H đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha (anh Đàm Văn G) (bút lục số 20, 21). Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Đàm Thanh S và cháu Đàm Thị Thu H theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, giao cháu Đàm Thanh S và cháu Đàm Thị Thu H cho anh Đàm Văn G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị L anh Đàm Văn G khai nhận anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung, về nợ chung không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Nông Thị L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị L, chị Nông Thị L được ly hôn với anh Đàm Văn G.

2. Về nuôi con chung: Giao Đàm Thanh S sinh ngày 26/3/2005 và Đàm Thị Thu H sinh ngày 16/11/2007 cho anh Đàm Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị L anh Đàm Văn G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009126 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/6/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh